

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 25/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 63/2013/TTLT-BTC-BTNMT ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 25/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

Căn cứ Nghị quyết số 22/2013/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan nhà nước; đơn vị vũ trang nhân dân; tổ chức; cơ sở kinh doanh, dịch vụ; hộ gia đình, cá nhân có nước thải sinh hoạt thải ra môi trường trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

b) Trường hợp các tổ chức, cá nhân xả nước thải vào hệ thống thoát nước, đã nộp phí thoát nước thì không phải nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt.

c) Cơ sở sản xuất, cơ sở chế biến quy định tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư liên tịch số 63/2013/TTLT-BTC-BTNMT ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 25/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải có sử dụng nguồn nước từ đơn vị cung cấp nước sạch phải nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp, không nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt.

3. Đối tượng chịu phí và mức thu phí

a) Đối với nước thải sinh hoạt do đơn vị cấp nước sạch cung cấp

Số TT	Đối tượng chịu phí	Mức thu phí
1	Hộ gia đình	Mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt là 7% (bảy phần trăm) trên giá bán của 1m ³ (một mét khối) nước sạch sinh hoạt cho từng đối tượng sử dụng nước chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng
2	Cơ quan nhà nước	
3	Đơn vị vũ trang nhân dân (trừ các cơ sở sản xuất, cơ sở chế biến thuộc các đơn vị vũ trang nhân dân)	
4	Trụ sở điều hành, chi nhánh, văn phòng của các tổ chức, cá nhân không gắn liền với địa điểm sản xuất, chế biến	
5	Cơ sở: Rửa ô tô, rửa xe máy, sửa chữa ô tô, sửa chữa xe máy	
6	Bệnh viện; phòng khám chữa bệnh; nhà hàng, khách sạn; cơ sở đào tạo, nghiên cứu; cơ sở kinh doanh, dịch vụ khác	
7	Các tổ chức, cá nhân và đối tượng khác có nước thải không được quy định tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư liên tịch số 63/2013/TTLT-BTC-BTNMT	

b) Đối với nước thải sinh hoạt do các cơ sở kinh doanh, dịch vụ tự khai thác nước để sử dụng

Số TT	Đối tượng chịu phí	Mức thu phí (Đồng/tháng/cơ sở)
1	Cơ sở kinh doanh khách sạn, nhà trọ, nhà nghỉ:	
1.1	Dưới 10 phòng	15.000
1.2	Từ 10 phòng đến dưới 20 phòng	30.000
1.3	Từ 20 phòng đến dưới 30 phòng	50.000

1.4	Từ 30 phòng đến dưới 40 phòng	70.000
1.5	Từ 40 phòng đến dưới 50 phòng	90.000
1.6	Từ 50 phòng trở lên	110.000
2	Cơ sở kinh doanh, dịch vụ khác:	
2.1	Khu vực thành phố Sóc Trăng	50.000
2.2	Khu vực còn lại	40.000

c) Đối với nước thải sinh hoạt do hộ gia đình tự khai thác để sử dụng

Số TT	Đối tượng chịu phí	Mức thu phí (Đồng/tháng/hộ)
1	Hộ gia đình thuộc khu vực thành phố Sóc Trăng	7.000
2	Hộ gia đình thuộc các khu vực còn lại	5.000

4. Đối tượng không chịu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt

Đối tượng không chịu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 25/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải và Điều 2 Thông tư liên tịch số 63/2013/TTLT-BTC-BTNMT ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 25/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

5. Chế độ thu, nộp và cơ quan, đơn vị thu phí

a) Hàng tháng, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cấp nước Sóc Trăng, Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tổ chức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải của các đối tượng theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều này là người nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt đồng thời với việc thu tiền sử dụng nước sạch. Các đối tượng theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều này là người nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt có nghĩa vụ nộp đủ số tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cấp nước Sóc Trăng, Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn đồng thời với việc thanh toán tiền sử dụng nước sạch theo hóa đơn bán hàng hàng tháng.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) tổ chức thu phí đối với các đối tượng theo quy định tại Điểm b, Điểm c Khoản 3 Điều này là người nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn. Ủy ban nhân dân cấp xã sử dụng biên lai thu phí theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính.

c) Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cấp nước Sóc Trăng, Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp xã mở tài khoản “Tạm thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt” tại Kho bạc Nhà nước trên địa bàn. Định kỳ hàng tuần nộp số thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải vào tài khoản tạm thu phí. Hàng tháng, chậm nhất đến ngày 20 của tháng tiếp theo, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cấp nước Sóc Trăng,

Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm nộp số tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên tài khoản tạm thu vào ngân sách nhà nước, sau khi trừ đi số phí được trích để lại cho đơn vị theo quy định.

Hàng tháng, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cấp nước Sóc Trăng, Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tính toán số thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt thu được, lập Tờ khai phí theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 63/2013/TTLT-BTC-BTNMT, gửi Cơ quan quản lý thuế trên địa bàn.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cấp nước Sóc Trăng, Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp xã phải mở sổ sách kế toán theo dõi riêng số tiền thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt. Tiền thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt không được hạch toán vào doanh thu của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cấp nước Sóc Trăng, Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn.

d) Kho bạc nhà nước thực hiện hạch toán số tiền phí bảo vệ môi trường do Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cấp nước Sóc Trăng, Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp xã nộp vào chương, loại, khoản tương ứng theo quy định hiện hành của Mục lục Ngân sách nhà nước.

đ) Hàng năm, trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày 01 tháng 01 năm tiếp theo, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cấp nước Sóc Trăng, Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp xã phải thực hiện quyết toán với cơ quan thuế địa phương việc thu, nộp tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt thu được trên địa bàn theo đúng chế độ quy định.

6. Quản lý và sử dụng phí

Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước, được quản lý và sử dụng như sau:

a) Đối với nước thải sinh hoạt: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cấp nước Sóc Trăng, Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn được trích 10% (mười phần trăm) trên tổng số phí thu được để trang trải chi phí cho việc thu phí.

b) Đối với nước thải sinh hoạt tự khai thác nước để sử dụng: Ủy ban nhân dân cấp xã được trích 15% (mười lăm phần trăm) trên tổng số phí thu được để trang trải chi phí cho việc thu phí.

Toàn bộ số phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt được trích theo quy định trên đây, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cấp nước Sóc Trăng, Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp xã phải sử dụng đúng mục đích, có chứng từ hợp pháp theo chế độ quy định, cuối năm nếu chưa chi hết thì được chuyển sang năm sau để chi theo chế độ.

c) Phần còn lại (sau khi trừ đi số phí trích để lại cho đơn vị cung cấp nước sạch, Ủy ban nhân dân cấp xã) được nộp vào ngân sách địa phương và sử dụng theo quy định tại Điểm d Khoản 6 Điều này.

d) Quản lý, sử dụng phần phí bảo vệ môi trường nộp vào ngân sách nhà nước

Phần phí thu được còn lại sau khi trừ đi phần để lại quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 6 Điều này, đơn vị thu phí có trách nhiệm nộp toàn bộ vào ngân sách địa phương để sử dụng cho công tác bảo vệ môi trường; bổ sung vốn hoạt động cho Quỹ Bảo vệ môi trường của địa phương để sử dụng cho việc phòng ngừa, hạn chế, kiểm soát ô nhiễm môi trường do nước thải; tổ chức thực hiện các giải pháp, phương án công nghệ, kỹ thuật xử lý nước thải.

đ) Việc thu, nộp, quản lý, sử dụng, chứng từ thu, công khai chế độ thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải không đề cập tại Thông tư liên tịch số 63/2013/TTLT-BTC-BTNMT được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí, lệ phí; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002; Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ; Thông tư số 64/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 03/2013/QĐ-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kho bạc Nhà nước, Cục trưởng Cục Thuế, Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Sóc Trăng, Giám đốc Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thị trấn, tỉnh Sóc Trăng và các đối tượng có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Bộ: TP, TN&MT, TC;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: HC, KT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Lê Thành Trí